ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 116 /QĐ-UBND	*Long Phú, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Long Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Long Phú, tại Tờ trình số 25/TTr.PTCKH ngày 02/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Long Phú (đính kèm theo 10 biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Kim Hen

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Chi cục Thuế, KBNN huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

UBND HUYỆN LONG PHÚ **MẪU SỐ 81/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**441.278**
I	**Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp**	38.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	38.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	403.278
-	Thu bổ sung cân đối	336.213
-	Thu bổ sung có mục tiêu	67.065
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**441.278**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**374.213**
1	Chi đầu tư phát triển	28.529
2	Chi thường xuyên	338.346
3	Dự phòng ngân sách	7.338
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	67.065
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	67.065
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN GÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	441.278
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	38.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	403.278
-	Thu bổ sung cân đối	336.213
-	Thu bổ sung có mục tiêu	67.065
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	441.278
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	393.002
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	48.276
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	48.276
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	6.042
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	42.234
-	Thu bổ sung cân đối	42.234
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	48.276

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị:Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**40.900**	**38.000**
I	**Thu nội địa**	**40.900**	**38.000**
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	11.500	11.400
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.800	6.800
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	10.500	10.500
8	Thu phí, lệ phí	1.800	1.800
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.500	2.500
12	Thu tiền sử dụng đất	7.000	4.200
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	800	800
17	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	**Thu viện trợ**		

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**441.278**	**393.002**	**48.276**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**374.213**	**325.937**	**48.276**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**28.529**	**28.529**	**0**
1	Chi đầu tư cho các dự án	28.529	28.529	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	0		
-	*Chi khoa học, công nghệ*	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0		
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	4.200	4.200	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	**Chi thường xuyên**	338.346	290.070	48.276
	Trong đó:	0		
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*201.689*	*201.689*	
2	*Chi khoa học, công nghệ*	*0*		
III	**Dự phòng ngân sách**	7.338	7.338	
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	0		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	67.065	67.065	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	67.065	67.065	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	0		

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**441.278**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**48.276**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**393.002**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	83.529
1	Chi đầu tư cho các dự án	83.529
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	55.000
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi kiến thiết thị chính	
1.4	Chi văn hoá thông tin	1.086
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	3.954
1.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	15.772
1.10	Chi khác	7.717
1.11	Chi đảm bảo xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển	
II	**Chi thường xuyên**	**290.070**
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	201.167
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	600
4	Chi văn hoá thông tin	1.224
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	829
6	Chi thể dục thể thao	479
7	Chi bảo vệ môi trường	1.621
8	Chi các hoạt động kinh tế	24.853
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.784
10	Chi đảm bảo xã hội	14.049
11	Chi Quốc phòng - An ninh	1.165
12	Chi khác ngân sách	800
13	Chi thường xuyên khác	669
14	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	830
III	**Dự phòng (đối với dự toán)**	**7.338**
IV	**Chi bổ sung có mục tiêu**	**12.065**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	**451.318**	**83.529**	**312.175**	**7.338**	**48.276**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**394.874**	**83.529**	**311.345**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Văn phòng HĐND & UBND	7.572		7.572						
2	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.591		1.591						
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.793		1.793						
4	Phòng Tư pháp	704		704						
5	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.459		1.459						
6	Thanh tra huyện	949		949						
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	2.027		2.027						
8	Phòng Nội vụ	1.322		1.322						
9	Phòng Lao động - TB&XH	13.826		13.826						
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	199.852	94	199.758						
11	Phòng Tài nguyên và MT	2.617	130	2.487						
12	Phòng Y tế	321		321						
13	Phòng Dân tộc	296		296						
14	Ủy ban mặt trận Tổ Quốc	1.416		1.415,7						
15	Đoàn TNCS HCM	806		806						
16	Hội LH Phụ nữ	1.039		1.039						

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Hội Nông dân	1.163		1.163						
18	Hội Cựu chiến binh	771		771						
19	Văn phòng Huyện Ủy	15.194		15.194						
20	Trung Tâm TDTT	479		479						
21	Đài Truyền Thanh	829		829						
22	Trung Tâm GD nghề nghiệp - GDTX	1.164		1.164						
23	Trung Tâm BDCT	672		672						
24	Trung tâm Y tế (SN y tế)	989	389	600						
25	Hội Người cao tuổi	151		151						
26	Hội Chữ Thập đỏ	342		342						
27	Hội Khuyến học	121		121						
28	Hội CSCM bị ĐB tù đày	98		98						
29	Hội Nạn nhân chất độc da cam	94		94						
30	Hội Đông y	151		151						
31	BCH Quân sự huyện	915		915						
32	Công an huyện	250		250						
33	BQL DA Đầu tư XD HLP	82.916	82.916							
34	Ngân hàng chính sách	300		300						
35	KP ứng dụng CNTT	200		200						
36	Kinh phí thực hiện không khoán	1.301		1.300,5						
37	Kinh phí đào tạo cán bộ	1.214		1.214						
38	Chi SN kiến thiết thị chính	8.000		8.000						
39	Chi SN kinh tế	24.853		24.853						
40	Chi đảm bảo xã hội	14.049		14.049						
41	Chi khác ngân sách	400		400						
42	Kinh phí tiết kiệm bù hụt thu NS huyện	669		669						
II	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	7.338			7.338					
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	830		830						
IV	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ**	48.276				48.276				
V	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**	0								

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN	Y tế	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**83.529**	**55.000**	**0**	**0**	**1.086**	**0**	**0**	**0**	**3.954**	**0**	**0**	**15.772**	**7.717**
1	BQL DA Đầu tư XD HLP	75.862	55.000			1.086				3.954			15.772	50
2	Phòng Giáo dục - Đào tạo	94												94
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	130												130
4	Trung Tâm Y tế	389												389
5	Dự phòng	1.354												1.354

6	Nguồn thu tiền ~~SDĐ~~ bố trí TH Chương trình MTQG XDNTM	4.200												4.200
7	Đối ứng CTMTGQ giảm nghèo (10% tổng số NSTW hỗ trợ	1.000												1.000
8	Thanh toán chi phí khác để tất toán	500												500

UBND HUYỆN LONG PHÚ **MẪU SỐ 88/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI SN MÔI TRƯỜNG	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**250.643**	**189.953**	**1.621**	**600**	**1.224**	**829**	**479**	**1.165**	**937**	**380**	**557**	**40.684**	**13.151**
1	Văn phòng HĐND và UBND	7.572											7.572	
2	Phòng Nông nghiệp - PTNT	1.591	200							238		238	1.153	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.793											1.793	
4	Phòng Tư pháp	704											704	
5	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	1.459								699	380	319	760	
6	Thanh tra huyện	949											949	
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	2.027				1.224							803	
8	Phòng Nội vụ	1.322											1.322	
9	Phòng Lao động - TB & XH	13.826											975	12.851
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	189.758	187.917										1.841	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Phòng Tài nguyên và MT	2.487		1.621									866	
12	Phòng Y tế	321											321	
13	Phòng Dân tộc	296											296	
14	Ủy ban mặt trận Tổ Quốc	1.416											1.415,7	
15	Đoàn TNCS HCM	806											806	
16	Hội LH Phụ nữ	1.039											1.039	
17	Hội Nông dân	1.163											1.163	
18	Hội Cựu chiến binh	771											771	
19	Văn phòng Huyện Ủy	15.195											15.194,8	
20	Trung Tâm TDTT	479						479						
21	Đài Truyền thanh	829					829							
22	Trung Tâm GD nghề nghiệp - GDTX	1.164	1.164											
23	Trung Tâm BDCT	672	672											
24	Trung tâm Y tế (SN y tế)	600			600									
25	Hội Người cao tuổi	151											151	
26	Hội Chữ Thập đỏ	324											324	
27	Hội Khuyến học	121											121	
28	Hội CSCM bị ĐB tù đày	98											98	
29	Hội Nạn nhân chất độc da cam	94											94	
30	Hội Đông y	151											151	
31	BCH Quân sự huyện	915							915					
32	Công an huyện	250							250					
33	NH Chính sách	300												300

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI CỦA NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị :Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán thu năm 2020	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp			Tổng dự toán chi năm 2020	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung có mục tiêu	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	Dự toán chưa phân khai
				Tổng số	Chia ra							
					Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**48.276**	**45.466**	**5.052**	**562**	**4.490**	**48.276**	**40.414**	**0**	**0**	**45.466**	**2.810**
1	Xã Long Đức		4.177	248	48	200		3.929			4.176	
2	Xã Song Phụng		3.675	114	23	91		3.561			3.675	
3	Xã Phú Hữu		4.254	52	12	40		4.202			4.254	
4	Xã Hậu Thạnh		4.385	80	30	50		4.305			4.385	
5	Xã Châu Khánh		3.683	81	36	45		3.602			3.683	
6	Xã Trường Khánh		4.293	724	100	624		3.569			4.293	
7	Xã Long Phú		5.100	87	23	64		5.013			5.100	
8	Xã Tân Hưng		4.020	236	50	186		3.784			4.020	
9	Xã Tân Thạnh		3.872	221	60	161		3.651			3.872	
10	Thị trấn Đại Ngãi		3.538	1.599	80	1.519		1.939			3.538	
11	Thị trấn Long Phú		4.469	1.610	100	1.510		2.859			4.470	

UBND HUYỆN LONG PHÚ

MẪU SỐ 92/CK-NSNN

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch vốn năm 2020				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt																
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
							Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Vốn TPCP		Ngoài nước	Ngân sách cấp huyện	Vốn TPCP		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	…		Nguồn CĐ theo phân cấp	BS có MT từ nguồn cân đối NSĐP	BS có MT từ nguồn XSKT	Vốn trái phiếu Chính phủ
A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng số					**114.509**	**65.960**	**35.352**	**0**	**0**	**20.930**	**19.500**	**1.430**	**0**	**24.590**	**0**	**23.160**	**1.430**	**83.529**	**28.529**	**0**	**55.000**	**0**
A	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH**					**56.386**	**23.160**	**33.226**		**0**	**20.930**	**19.500**	**1.430**	**0**	**24.590**	**0**	**23.160**	**1.430**	**28.529**	**28.529**	**0**	**0**	**0**
I	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ**																						
1	Chuẩn bị đầu tư																						
2	Thực hiện dự án																						
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm… sang giai đoạn 5 năm																						
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm…																						
II	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ**					**56.386**	**23.160**	**33.226**	**0**	**0**	**20.930**	**19.500**	**1.430**	**0**	**24.590**	**0**	**23.160**	**1.430**	**28.529**	**28.529**	**0**	**0**	**0**
	Nguồn phân cấp ngân sách huyện																		**28.529**	**28.529**			
*	**Cân đối ngân sách địa phương**																		**24.329**	**24.329**			
*	**Dự án chuyển tiếp, thanh toán tồn đọng**																		**1.225**	**1.225**			
1	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Phú.		Diện tích 317 m2		396/QĐ-UBND, 18/10/2018	2.152		2.152			1.430		1.430		1.430			1.430	725	725			
2	Thanh toán các chi phí khác để tất toán																		500	500			

A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
*	**Dự án khởi công mới**																		**23.104**	**23.104**			
3	Nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng ấp Phú Đức, Bưng Thum	xã Long Phú	Dài 7,356Km, mặt 4-7m, KL 40.983 m3	2020	331/QĐ-UBND, 16/10/2019	1.038		1.038											961	961			
4	Nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng xã Trường Khánh, Hậu Thạnh	xã TK, HT	Dài 9,694Km, mặt 3-7m, KL 42.644 m3	2020	332/QĐ-UBND, 16/10/2019	1.110		1.110											1.028	1.028			
5	Nạo vét HTTL ấp Chùa Ông, Mây Hắc, xã Hậu Thạnh	xã Hậu Thạnh	'Dài 11,395Km, mặt 3-6m, KL 46.312 m3	2020	333/QĐ-UBND, 16/10/2019	1.213		1.213											1.128	1.128			
6	Nạo vét Kênh Ông Cal, Kênh Lý Chinh, Kênh Đầu Sóc, Kênh 5 Phận, thị trấn Long Phú	TTLP	'Dài 5,475Km, mặt 6-9m, KL 36.729 m3	2020	334/QĐ-UBND, 16/10/2019	897		897											837	837			
7	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa hội trường xã Hậu Thạnh	xã Hậu Thạnh	Nâng cấp, mở rộng; DT 113 m2	2020	271/QĐ-UBND, 24/9/2019	1.166		1.166											1.086	1.086			
8	Trụ sở HĐND & UBND xã Long Phú	xã Long Phú	Nhà làm việc DT:668m2; sân đường nội bộ, san lấp mặt	2019 - 2020	456/QĐ-UBND, 23/10/2019	7.840		7.840											7.027	7.027			
9	Nhà làm việc các Phòng, Ban huyện Long Phú	TTLP	Nhà làm việc DT:776,9m2; rãnh thoát nước	2019 - 2020	457/QĐ-UBND, 23/10/2018	8.887		8.887											8.020	8.020			
10	Bồi thường, HT thu hồi đất để XD bia Chiến thắng xã Hậu Thạnh	xã Hậu Thạnh	Tổng diện tích 94,2 m2	2020	336/QĐ-UBND, 16/10/2019	1.801		1.801											50	50			
11	Bồi thường, HT thu hồi đất để XD đường nối tỉnh lộ 935B-Sông Saintar (đường vào HTX Hưng Lợi)	huyện Long Phú	Tổng diện tích 412,7 m2	2020	289/QĐ-UBND, 23/72019														130	130			
12	Bồi thường, HT thu hồi đất để XD Trạm Y tế xã Phú Hữu	xã Phú Hữu	Tổng diện tích 3.225 m2	2020															389	389			
13	Bồi thường, HT thu hồi đất để XD Trường Mẫu giáo Tân Hưng	xã Tân Hưng	Tổng diện tích 931 m2	2020	488/QĐ-UBND, 10/10/72019														94	94			
14	Đối ứng CTMTQG giảm nghèo (10% tổng số NSTW hỗ trợ)	Toàn huyện																	1.000	1.000			

A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
15	Dự phòng	Toàn huyện																	1.354	1.354			
*	**Thu tiền sử dụng đất để thực hiện Chương trình MTQG XDNTM**																		4.200	**4.200**			
*	**Dự án chuyển tiếp, thanh toán tồn đọng**																		3.817	**3.817**			
16	Trường Mẫu giáo Hậu Thạnh	xã Hậu Thạnh	08 phòng học và các hạng mục phụ	2018 - 2020	374/QĐ-UBND, 16/10/2018	14.940	10.300	4.640			10.300	10.300			10.300		10.300		2.728	2.728			
17	Trường Tiểu học Long Phú A	xã Long Phú	10 phòng học và các hạng mục phụ	2018 - 2020	327/QĐ-UBND, 27/08/2018	14.857	12.860	1.997			9.200	9.200			12.860		12.860			1.089			
*	**Dự án khởi công mới**																			**383**			
18	Nạo vét Kênh Năm Bé - Tư Tài, Kênh Hai Trường, Kênh Ba Triều, xã Long Đức	xã Long Đức	Dài 4,021Km, mặt 5-7m, KL 18.607 m3	2020	335/QĐ-UBND, 16/10/2019	485		485												383			
B	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH**					**58.123**	**42.800**	**2.127**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**55.000**	**0**	**0**	**55.000**	**0**
1	**Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn cân đối NSĐP**					**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn XSKT**					**58.123**	**42.800**	**2.127**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**55.000**	**0**	**0**	**55.000**	**0**
2.1	Trường tiểu học Tân Hưng A, xã Tân Hưng, huyện Long Phú.	xã Tân Hưng	10 phòng học và các hạng mục khác	2019-2020	190/QĐ-UBND, 22/7/2019	14.956	14.300	656											14.300			14.300	
2.2	Trường THCS Phú Hữu, xã Phú Hữu, huyện Long Phú.	xã Phú Hữu	10 phòng học và các hạng mục khác	2019-2020	189/QĐ-UBND, 22/7/2019	14.997	14.300	697											14.300			14.300	
2.3	Trường tiểu học Long Phú B, xã Long Phú, huyện Long Phú.	xã Long Phú	06 phòng học, khối HCQT và các hạng mục khác	2019-2020	191/QĐ-UBND, 22/7/2019	14.974	14.200	774											14.200			14.200	
2.4	Trường THCS Long Phú, xã Long Phú, huyện Long Phú.	xã Long Phú	Khối hiệu bộ chức năng, phòng học bộ môn	2019-2020	188/QĐ-UBND, 22/7/2019	13.196	12.200	996											12.200			12.200	